

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 12 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa
cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm
2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về
phòng cháy và chữa cháy rừng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 21/TTr-SNN ngày 23 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Cấp dự báo cháy rừng và các bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình gồm 05 cấp, từ cấp I đến cấp V, được quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Các bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2025.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Đài khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Bình và các đơn vị khác có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

LNT_VP3_QĐ06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng

Phụ lục I
CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG

(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

CẤP CHÁY	ĐẶC TRƯNG CHÁY RỪNG
I	Cấp thấp: Ít có khả năng cháy rừng, khả năng cháy rừng thấp.
II	Cấp trung bình: Có khả năng cháy rừng, khả năng cháy rừng ở mức trung bình.
III	Cấp cao: Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng, khả năng cháy lan trên diện rộng.
IV	Cấp nguy hiểm: Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh, nguy cơ cháy rừng lớn.
V	Cấp cực kỳ nguy hiểm: Thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn, lan tràn nhanh trên các loại rừng, tốc độ lửa lan tràn rất nhanh.

Phụ lục II
CÁC BẢNG TRA CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P của Nesterop hiệu chỉnh theo trạng thái rừng

Cấp cháy rừng	Chỉ số P hiệu chỉnh			
	Nhóm trạng thái rừng III	Nhóm trạng thái rừng II	Nhóm trạng thái rừng I	Tổng hợp
I	$P < 1552$	$P < 1750$	$P < 1850$	$P < 1717$
II	$1552 \leq P < 3105$	$1750 \leq P < 3500$	$1850 \leq P < 3700$	$1717 \leq P < 3435$
III	$3105 \leq P < 4657$	$3500 \leq P < 5250$	$3700 \leq P < 5550$	$3435 \leq P < 5152$
IV	$4657 \leq P < 6210$	$5250 \leq P < 7000$	$5550 \leq P < 7400$	$5152 \leq P < 6870$
V	$P \geq 6210$	$P \geq 7000$	$P \geq 7400$	$P \geq 6870$

Ghi chú:

Nhóm trạng thái rừng I bao gồm: rừng giàu, rừng trung bình; Nhóm trạng thái rừng II bao gồm: rừng phục hồi, rừng hỗn giao, rừng trồng hỗn loài; Nhóm trạng thái rừng III bao gồm: rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng tre nứa, rừng trên núi đá, các trạng thái rừng trồng thuần loài; Tổng hợp: sử dụng chung cho toàn tỉnh.

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ tiêu khí tượng tổng hợp P cho các nhóm trạng thái rừng

Chỉ số P	Nhóm trạng thái rừng III		Nhóm trạng thái rừng II		Nhóm trạng thái rừng I		Tổng hợp	
	Phc	CNCC	Phc	CNCC	Phc	CNCC	Phc	CNCC
500	370	I	350	I	311	I	344	I
1.000	740	I	700	I	621	I	687	I
1.500	1.110	I	1.050	I	932	I	1.031	I
2.000	1.480	I	1.400	I	1.242	I	1.374	I
2.500	1.850	II	1.750	II	1.553	II	1.718	II
3.000	2.220	II	2.100	II	1.863	II	2.061	II
3.500	2.590	II	2.450	II	2.174	II	2.405	II
4.000	2.960	II	2.800	II	2.484	II	2.748	II
4.500	3.330	II	3.150	II	2.795	II	3.092	II
5.000	3.700	III	3.500	III	3.105	III	3.435	III
5.500	4.070	III	3.850	III	3.416	III	3.779	III
6.000	4.440	III	4.200	III	3.726	III	4.122	III
6.500	4.810	III	4.550	III	4.037	III	4.466	III
7.000	5.180	III	4.900	III	4.347	III	4.809	III
7.500	5.550	IV	5.250	IV	4.658	IV	5.153	IV
8.000	5.920	IV	5.600	IV	4.968	IV	5.496	IV
8.500	6.290	IV	5.950	IV	5.279	IV	5.840	IV
9.000	6.660	IV	6.300	IV	5.589	IV	6.183	IV
9.500	7.030	IV	6.650	IV	5.900	IV	6.527	IV
10.000	7.400	V	7.000	V	6.210	V	6.870	V
10.500	7.770	V	7.350	V	6.521	V	7.214	V
11.000	8.140	V	7.700	V	6.831	V	7.557	V
11.500	8.510	V	8.050	V	7.142	V	7.901	V
12.000	8.880	V	8.400	V	7.452	V	8.244	V

Ghi chú:

- Nhóm trạng thái rừng I bao gồm: rừng giàu, rừng trung bình; Nhóm trạng thái rừng II bao gồm: rừng phục hồi, rừng hỗn giao, rừng trồng hỗn loài; Nhóm trạng thái rừng III bao gồm: rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng tre nứa, rừng trên núi đá, các trạng thái rừng trồng thuần loài; Tổng hợp: sử dụng chung cho toàn tỉnh.

- P là chỉ tiêu khí tượng tổng hợp Nesterop;
- P_{hc} là chỉ số P đã được hiệu chỉnh;
- CNCC là cấp nguy cơ cháy.

3. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng tổng hợp (Pi) phục vụ dự báo hàng ngày và dài ngày theo chỉ số nhiệt độ không khí (T°) và độ ẩm không khí (W%) lúc 13 giờ hằng ngày

T° \ W%	100	95	90	85	80	75	70	65	60	55	50	45	40	35	30	25	20	15	10	5	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2
4	0	0	1	1	2	2	3	3	3	4	4	5	5	5	6	6	7	7	7	8	8
6	0	1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	13	14	15	16	17	18	19	19
8	0	2	5	7	9	11	13	15	17	19	21	23	24	26	28	29	31	32	34	35	37
10	0	4	8	12	16	19	23	26	30	33	36	39	42	44	47	50	52	54	57	59	61
12	0	7	13	20	26	31	37	42	47	52	57	61	65	70	74	77	81	84	88	91	94
14	0	10	20	30	39	47	55	63	71	78	85	91	97	103	109	114	119	124	128	133	137
16	0	15	30	43	56	69	80	91	102	112	121	130	138	146	154	161	168	174	180	186	191
18	0	22	42	61	79	96	112	127	142	155	168	179	191	201	211	220	229	237	245	252	259
20	0	30	58	84	109	132	153	173	192	210	226	241	256	269	282	294	305	315	325	334	342
22	0	41	78	113	146	176	204	231	255	278	299	318	336	353	369	384	397	410	422	433	443
24	0	54	104	150	192	232	268	301	332	361	388	412	435	456	475	493	509	524	539	552	564
26	0	70	135	195	249	300	346	388	427	463	496	526	553	579	602	624	643	662	678	694	708
28	0	91	174	250	319	382	440	493	541	585	625	662	696	726	754	780	803	824	844	862	878
30	0	116	221	317	404	483	554	619	678	732	781	825	865	901	934	964	992	1016	1039	1059	1078
32	0	146	279	398	506	603	691	770	842	906	965	1017	1065	1108	1146	1181	1213	1242	1267	1291	1312
34	0	183	347	495	627	746	853	949	1035	1112	1181	1244	1300	1350	1395	1435	1472	1504	1533	1560	1583
36	0	227	429	610	772	916	1045	1159	1262	1354	1436	1509	1574	1632	1684	1730	1772	1809	1842	1871	1898
38	0	279	527	747	942	1116	1270	1407	1528	1636	1732	1817	1893	1960	2019	2072	2119	2161	2198	2231	2260
40	0	341	642	908	1143	1350	1533	1695	1838	1964	2076	2175	2262	2338	2406	2466	2519	2566	2607	2644	2676
42	0	414	777	1096	1377	1624	1840	2031	2198	2345	2474	2587	2687	2774	2851	2919	2978	3030	3076	3117	3152
44	0	499	935	1317	1650	1941	2196	2418	2613	2783	2932	3061	3175	3274	3361	3437	3503	3561	3612	3656	3695
46	0	599	1120	1573	1966	2309	2607	2865	3091	3286	3457	3605	3733	3845	3943	4027	4101	4165	4221	4269	4311
48	0	715	1334	1869	2332	2732	3079	3379	3638	3863	4057	4225	4370	4496	4605	4699	4780	4851	4912	4964	5010
50	0	849	1581	2210	2752	3219	3620	3966	4263	4520	4740	4930	5094	5234	5355	5460	5549	5627	5693	5750	5800

Ghi chú:

- W% là độ ẩm không khí lúc 13 giờ (%);
- T° là nhiệt độ không khí lúc 13 giờ (độ C).
- Cách sử dụng bảng tra chỉ số P_i để xác định chỉ số P tổng hợp và xác định cấp dự báo cháy rừng như sau:
 - + Chỉ số P_i phải được tra và ghi chép hằng ngày;
 - + Xác định giá trị của n (số ngày không có mưa): Nếu tổng lượng mưa trong ngày tính từ 13 giờ hôm trước đến 13 giờ hôm sau lớn hơn 5mm (hoặc 5 ngày liên tục có mưa, nhưng lượng mưa dưới 5 mm) thì $n=0$, suy ra $P_i = 0$.
 - + Ngày thứ nhất không có mưa (kể từ trận mưa hôm trước), căn cứ vào nhiệt độ (T°) và độ ẩm không khí (W%) do Đài khí tượng thủy văn tỉnh thông báo lúc 13 giờ để tra giá trị P_i . Ví dụ: $T^{\circ} = 26$ và $W\% = 75$ ta tra mục 3 của Phụ lục II suy ra $P_1=300$. Tra mục 1 hoặc 2 Phụ lục II ta được cấp nguy cơ cháy là cấp I.
 - + Nếu ngày thứ hai không có mưa (kể từ trận mưa gần nhất), căn cứ vào nhiệt độ (T°) và độ ẩm không khí (W%) để tra giá trị P_i . Ví dụ: $T^{\circ} = 26$ và $W\% = 70$ ta tra mục 3 của Phụ lục II được $P_2=346$, suy ra $P=P_1+P_2=646$. Tra mục 1 hoặc 2 của Phụ lục II ta được cấp nguy cơ cháy là cấp I.
 - + Cứ tiếp tục cộng dồn chỉ số P cho đến khi có trận mưa tiếp theo, lúc đó P quay về giá trị = 0.